Triet ly Nghiep - XX

Triết Lý Nghiệp

Triet ly Nghiep - XX

Times font

Triết lý về Nghiệp

Hoà thượng Hộ Tông

Thiên V -ooOoo-

NGHIỆP TRONG PHẬT GIÁO

Do nhân nào, mới có giáo lý về vấn đề nghiệp?

Vì trong thời kỳ ấy vô minh đàn áp toàn thể quốc dân Ấn Độ, dân chúng chỉ tìm ở số mệnh rủi may, không quan sát đến đạo đức. Đức Thế Tôn mong cởi mở vô mimh ấy, Ngài mới nổi đèn có muôn trùng ánh sáng tức là nhân quả để tỉnh thức chúng dân Ấn Độ.

Lý tưởng về nghiệp trong Phật giáo là sự tiến triển trong đường đạo đức khiến cho khoa học cũng phải bái phục, nhìn nhận bằng sự đứng yên không phản đối.

Phật giáo không mâu thuẩn với khoa học, nói như thế, vì khoa học cũng như Phật giáo không thừa nhận học giả mê tín.

Với bất cứ cái gì cần quan sát tỉ mỉ, tinh tế trước, rồi mới nên tin. Vì thế, Phật giáo và khoa học mới không mâu thuẩn nhau. Nói bằng cách vi tế rằng, khoa học có hai môn là: 1- Vật thể; 2- Vô thể.

Khoa học, về vật thể phải cần thí nghiệm để xác nhận, nghĩa là khi muốn biết rằng, "đá" gồm có chất gì, thì phải dùng cách phân tích và thí nghiệm. Nhà khoa học lấy đá chia tách ra xem (gọi là phân tích) cho biết rằng đá ấy có những gì, rồi thí nghiệm lại là lấy những chất đã phân giải ấy hoà lại, để xem cho thấy quả quyết rằng, nó là đá in nhau như trước chăng. Cách sau này gọi là thí nghiệm.

Phật giáo thuộc về khoa học vô thể có cách thức chú ý tin như khoa học. Như thế, mới gọi Phật giáo là khoa học, người hành theo Phật giáo hằng được thụ quả xứng đáng theo sự thực hành của chính mình, chẳng có ai thay thế được?

Pháp bảo có sáu ân huệ:

1.- Phật đã thuyết để lại chân chánh ([1]) rồi.

2.- Tự mình thấy xác thực.

3.- Không chờ thời (khi đắc đạo thì đắc quả không chậm trễ) ([2]) .

4.- Chứng minh được ([3]) .

5.- Xứng đáng đem vào mình hoặc đáng tìm tòi ([4]) .

6.- Tự mình được thấy rõ bằng sự thí nghiệm và thực hành theo.

Toàn là cơ sở củng cố là khoa học của nền tảng Phật giáo chân chính. Nếu đã nhận thức như thế, ta nên học hỏi về vấn đề nghiệp trong thiên này.

Tiếng " n ghiệp" có nghĩa là làm, hành vi, hành động, động tác, thực hành, thực tiễn, cho đến sự phản ứng hoặc quả dội lại của hành vi nữa .

t rong p hật giáo tiếng "n ghiệp " mong lấy tác ý là chủ như câu : " c etanaaham bhikkhave kammam vadaami - Này các Tỳ khưu, n hư l ai gọi tác ý là nghiệp" . Có ý nghĩa rằng: "Phật giáo giữ theo trung đạo". Dầu, trong luật học Ngài cũng có chế định những điều luật cho Tỳ khưu vô tác ý vi phạm các điều cấm chế, nhưng Ngài cũng không bỏ phép trung đạo. Ngài ngự chế, như thế để phòng ngừa các Tỳ khưu có khí chất bất nhã, biết hướng thiện sám hối.

Nghiệp là tiếng trung dung ([5]) (dữ và lành) nếu lành gọi là k usalakamma (thiện nghiệp); dữ là a kusalakamma (bất thiện nghiệp).

Phật giáo lưu tâm rằng nghiệp gồm có ba chi, là:

1.- Có người làm.

2.- Làm bằng tác ý.

3.- Cho quả đến người làm.

Nếu nói theo khoa học, người tức là thân thể; những biến hình là quả do sự đè ép, sự cưỡng lại lẫn nhau. Sự hành động và sức phản ứng có thể xảy ra được, dù là hai thân thể không hút nhau như đá nam châm .

Quan sát theo khoa học, ta được thấy rằng sự tạo tác và sức phản ứng hằng cho quả, khiến chúng sanh lay chuyển và có tạo nghiệp thì có phản ứng, hay nói một lẽ khác rằng, khi có nhân tất có quả, mãi mãi.

Trong khoa học, sự hành động và sức phản ứng hằng phức tạp khó kiểm soát, thế nào, trong Phật giáo, nghiệp và quả của nghiệp cũng phiền phức như vậy. Vì thế, mới có người không tin nhân quả, phản đối vấn đề nghiệp trong Phật giáo rằng, là không chính xác ([6]) . Như thế, cũng vì người thiếu sự khảo sát, tìm tòi nhân quả, chỉ không thừa nhận bằng cách hiểu rằng: Phật giáo là vấn đề hủ lậu ([7]) đem ra viện dẫn nhưng, thật sự,ï người ấy, là hủ lậu hơn g iáo lý. Đấy là sợi tóc che núi. Nhưng hàng học thức hiện đại không nên quan tâm đến.

Phật giáo tin rằng, nghiệp là của riêng mình. Kẻ nào tạo nghiệp gì phải chịu quả của nghiệp ấy, đúng với căn bản khoa học cho "hành động và phản ứng" hằng có giá trị ngang nhau, theo phương hướng tương phản nhau. Mọi người sinh ra đồng tạo nghiệp như vậy. Lẽ cố nhiên, mỗi người phải làm công việc bằng thân nghiệp, phải nói năng bằng khẩu nghiệp, phải suy nghĩ bằng ý nghiệp. Khi đã làm nói và nghĩ rồi, quả của nó tức là sức phản ứng phải có như thế. Khi ta tạo nghiệp lành, quả của nó là sự vui vẻ có đến ta, ta làm ác, quả dữ cũng sẽ trả lại cho ta.

Theo Phật ngôn đây, người gieo giống gì hằng hái quả ấy. Làm lành được vui, gây dữ gặp khổ. Như thế chỉ cho thấy rằng, nghiệp có đặc tính in như sự gieo giống lúa, tất nhiên được lúa.

Nếu hỏi trở lại rằng, cớ sao, có người trồng xoài, có kẻ gieo lúa hoặc người làm lành, kẻ làm ác?

Đấy là quả của sự suy nghĩ của chúng ta. Như tiếng nói rằng, tất cả sự tồn tại của ta được đều do quả của nghiệp mà ta đã làm từ sự trù tính phương pháp cứu chữa điều khổ.

Trong kinh m ajjhimanikaayamajjhimapa.n.nasaka , có thuyết về ba loại nghiệp:

1.- k aayakamma : Thân nghiệp.

2.- v aciikamma : Khẩu nghiệp.

3.- m anokamma : Ý nghiệp.

Thân nghiệp chia ra có:

1.- Ba chánh.

2.- Ba bất chánh.

Gọi là k aayasucaritaa và k aayaducaritaa

Ba thân nghiệp chánh là:

1.- Không sát sanh.

2.- Không trộm đạo.

3.- Không tà dâm.

Ba thân nghiệp bất chánh là:

1.- Sát sanh

2.- Trộm đạo.

3.- Tà dâm

Bốn khẩu nghiệp chánh là:

1.- Không nói dối.

2.- Không chửi rủa.

3.- Không nói lời xúi giục (cho người chia rẽ nhau).

4.- Không nói lời hoang đàng vô ích.

Bốn khẩu nghiệp bất chánh là:

1.- Nói dối.

2.- Chửi mắng.

3.- Nói lời xúi giục (cho người chia rẽ nhau).

4.- Nói lời hoang đàng vô ích.

Ba ý nghiệp chánh là:

1.- Không tham.

2.- Không sân.

3.- Không tà kiến.

Ba ý nghiệp bất chánh là:

1.- Tham.

2.- Sân.

3.- Tà kiến.

Trong cả ba nghiệp (thân, khẩu và ý), ý nghiệp là quan trọng nhứt, vì thân và khẩu hằng ở trong quyền lực của tâm.

Trong tạng Luật có thuyết về cửa, hoặc lỗ hở (qua lại Dvaara) của nghiệp lành và nghiệp dữ có ba là:

1.- k aayadvaara : cửa Thân.

2.- v aciidvaara : cửa Khẩu.

3.- m anodvaara : cửa Ý.

g iải rằng: Những cái qua lại, cửa thân là thân chánh và thân bất chánh; cái qua lại cửa khẩu là khẩu chánh và khẩu bất chánh; cái qua lại cửa ý là ý chánh và bất chánhv.v.

Ngoài ba cửa thuộc về phận sự chính như đã giải, còn có thứ nghiệp làm xáo trộn mất thứ tự cũng có. Như sự sát sanh và trộm đạo thuộc về nghiệp chính cửa thân nhưng nếu bảo kẻ khác làm thì thuộc về cửa khẩu. Nói dối thuộc về cửa khẩu, là cái qua lại đường khẩu, bằng không nói, chỉ ra bộ tịch gặc đầu (để tỏ ý chịu hoặc không) thì thuộc về cửa thân. Nếu người muốn được một đồ vật mà họ mong mỏi, nhưng không cố ý tính trộm, thì thuộc về cửa thân, ví bằng, xì xào rằng làm thế nào mới được của ấy thì thuộc về cửa khẩu; nếu chỉ tính trong tâm thì về cửa ý. Những lời giải trên toàn là nghiệp bất chánh. Về nghiệp chánh cũng nên hiểu theo sự tương phản nhau. Nhưng vì sự hành vi khác nhau, mới có người được quyền cao giàu có, kẻ lại thấp hèn nghèo khó. Đấy toàn là do nghiệp gây nên cả, nghiệp hằng phân hạng người cao sang hoặc thấp hèn không đồng. Theo lẽ thường, nhân loại hằng tạo nghiệp bất chánh do tính ngu dốt, vô học thức như câu:

" p aapaani kammaani karonti mohaa - n gười đời phần nhiều tạo nghiệp bất chánh do óc si mê" (trong m ahaaparinibbaana-sutra)".

Moha là ngu si hay đần độn tức là không biết lẽ thật, như người lạc đường trong rừng, không biết được phương hướng để thoát khỏi, cho đến không hiểu tội phước, tà chánh

là gì.

Những người hiền hằng tạo nghiệp chánh nhiều hơn nghiệp bất chánh kẻ dữ thường làm nghiệp bất chánh nhiều hơn nghiệp chánh. Hơn nữa, khi đã tạo nghiệp, dù chánh hay bất chánh thì khó sửa chữa lại được như có Phạn ngữ rằng:

" k atassanatthipatikaaram - v iệc đã làm rồi, sẽ làm trở lại chẳng được ".

đ ức p hật hằng lập lại cho hàng p hật tử, cố tự tỉnh rằng:

1.- T a có nghiệp là của ta .

2.- T a là người thụ quả của nghiệp .

3.- T a là người sinh ra từ cái nghiệp hoặc có nghiệp là kẻ sinh sản .

4.- T a có nghiệp là huyết thống .

5.- T a là người nương tựa vào nghiệp .

6.- T a phải chịu quả của nghiệp mà ta đã tạo .

Đức Phật dạy bảo như thế, cho chư Phật tử tin chắc rằng, vui, khổ mà ta đã được đều là quả dính theo từ nghiệp chánh và nghiệp bất chánh .

Nếu không nhớ nghĩ như vậy, thì sẽ cẩu thả rằng, nghiệp mà mình đã gây không cho quả.

Những kẻ ngu độn không hiểu nghiệp và quả của nghiệp, không có sự khảo sát rằng quả này sinh từ nghiệp nào và từ đâu mà có. Nếu không nhận thấy, lầm tưởng là kẻ khác làm cho. Sự nghĩ xét thường đến nghiệp như đã giải hằng ban cho ta nhiều lợi ích. Khi gặp quả tốt hay xấu nên hiểu rằng là "quả của nghiệp xảy đến tự mình sáng tác" (a ttasanbhavam). Như thế ta không quên mình, khiển trách kẻ khác và thừa nhận rằng quả vui hoặc khổ hằng phát sanh từ nghiệp của mình. Đấy là nguyên nhân cho mình vui hay khổ. Vả lại sự hiểu biết bất chánh là thấy quả quyết rằng điều vui hay khổ sinh từ kẻ khác hay vật khác, đó là nguyên nhân làm cho bức rức khó chịu, trở lại gây nghiệp như cũ, rồi phải thụ quả khổ mãi mãi.

(
[1]
) Chân
chánh: khi được nghe rồi có thể đè nén được năm pháp cái, được vui, sinh từ thiền định, và thông tuệ bằng sự thực hành được giải thoát.
([2]) Ví như ngọn lửa và ánh sáng ngọn lửa (có ngọn lửa tất có ánh sáng).

([3]) Vì có nhận đích xác, là pháp trong sạch.

([4]) Vì đã thực hành theo sẽ đắc đạo quả.

([5]) Trung dung: ở giữa, không thiên lệch.

([6]) Chính xác: xác thực.

([7]) Hủ lậu: quê mùa, không hợp thời.

-ooOoo-

Chương trước | Đầu trang | Mục lục | Chương kế

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 03-2001)

[Trở về trang Thư Mục]

update: 14-03-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.